

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 117/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 1982

QUYẾT ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 117/HĐBT

NGÀY 15 THÁNG 7 NĂM 1982 BAN HÀNH BẢN

DANH MỤC SỐ 1 CÁC CHỨC VỤ VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Quyết định số 36-CP ngày 2-2-1980 của Hội đồng Chính phủ và Chỉ thị số 277-TTg ngày 1-10-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiên cứu xây dựng danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức vụ viên chức Nhà nước;

Căn cứ điểm 5, Điều 16, chương 2 của Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 14 tháng 7 năm 1981;

Để có căn cứ xây dựng chức danh đầy đủ và tiêu chuẩn nghiệp vụ cụ thể các chức vụ viên chức Nhà nước và tổ chức bộ máy các cơ quan Nhà nước;

Để có căn cứ lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí các loại cán bộ, viên chức Nhà nước, xác định biên chế hợp lý, xác định chế độ tiền lương và phụ cấp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - trưởng Tiểu ban nghiên cứu xây dựng danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức vụ viên chức Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành bản danh mục số 1 các chức vụ viên chức Nhà nước (đính kèm).

Điều 2.- Bộ Lao động có trách nhiệm quản lý thống nhất việc thực hiện bản danh mục các chức vụ viên chức Nhà nước.

Điều 3.- Căn cứ bản danh mục này, Bộ Lao động có trách nhiệm hướng dẫn các ngành, các cấp xây dựng bản chức danh đầy đủ và tiêu chuẩn nghiệp vụ, Tiểu ban nghiên cứu xây dựng danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ các viên chức Nhà nước có trách nhiệm tiếp tục xây dựng bản danh mục các chức vụ viên chức kế tiếp để trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 5.- Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, và thủ trưởng các cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BẢN DANH MỤC SỐ 1 CÁC CHỨC VỤ VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 117-HĐBT

ngày 15-7-1982 của Hội đồng Bộ trưởng)

LỜI NÓI ĐẦU

Hội đồng Bộ trưởng ban hành bản danh mục số 1 các chức vụ viên chức Nhà nước là nhằm làm cơ sở cho việc xây dựng chức danh đầy đủ và tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức vụ viên chức Nhà nước; làm căn cứ để xây dựng biên chế hợp lý các cơ quan, xí nghiệp; để tổ chức lao động khoa học; để lập kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí các loại cán bộ, viên chức Nhà nước, đồng thời cũng làm căn cứ để xác định các chế độ tiền lương và phụ cấp.

Bản danh mục các chức vụ viên chức Nhà nước do Hội đồng Bộ trưởng ban hành là văn bản pháp quy áp dụng cho tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc Nhà nước quản lý ở các ngành, các cấp.

Bản danh mục các chức vụ viên chức Nhà nước ban hành lần này sẽ được bổ sung và hoàn thiện dần trong quá trình thực hiện kiện toàn tổ chức, cải tiến công tác quản lý.

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG TRONG BẢN DANH MỤC

CÁC CHỨC VỤ VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC

1. Các chức danh liệt kê có hệ thống trong bản danh mục số 1 các chức vụ viên chức Nhà nước bao gồm tất cả các chức danh viên chức làm việc trong các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở. Các chức danh viên chức thuộc các ngành công an nhân dân, quân đội nhân dân, sẽ được quy định riêng cho phù hợp với đặc điểm của các lực lượng đó.

2. Căn cứ vào bản danh mục số 1 các chức vụ viên chức Nhà nước này, các ngành, các cấp có trách nhiệm xây dựng bản chức danh đầy đủ và tiêu chuẩn nghiệp vụ cụ thể theo sự hướng

dẫn của Bộ Lao động.

3. Mọi đề nghị sửa đổi và bổ sung bản danh mục này đều do Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

4. Trong bản danh mục số 1 các chức vụ viên chức Nhà nước không ghi chức danh "phó" và "phó thứ nhất", chức danh "phó" được áp dụng theo các điều lệ tổ chức bộ máy cơ quan, xí nghiệp.

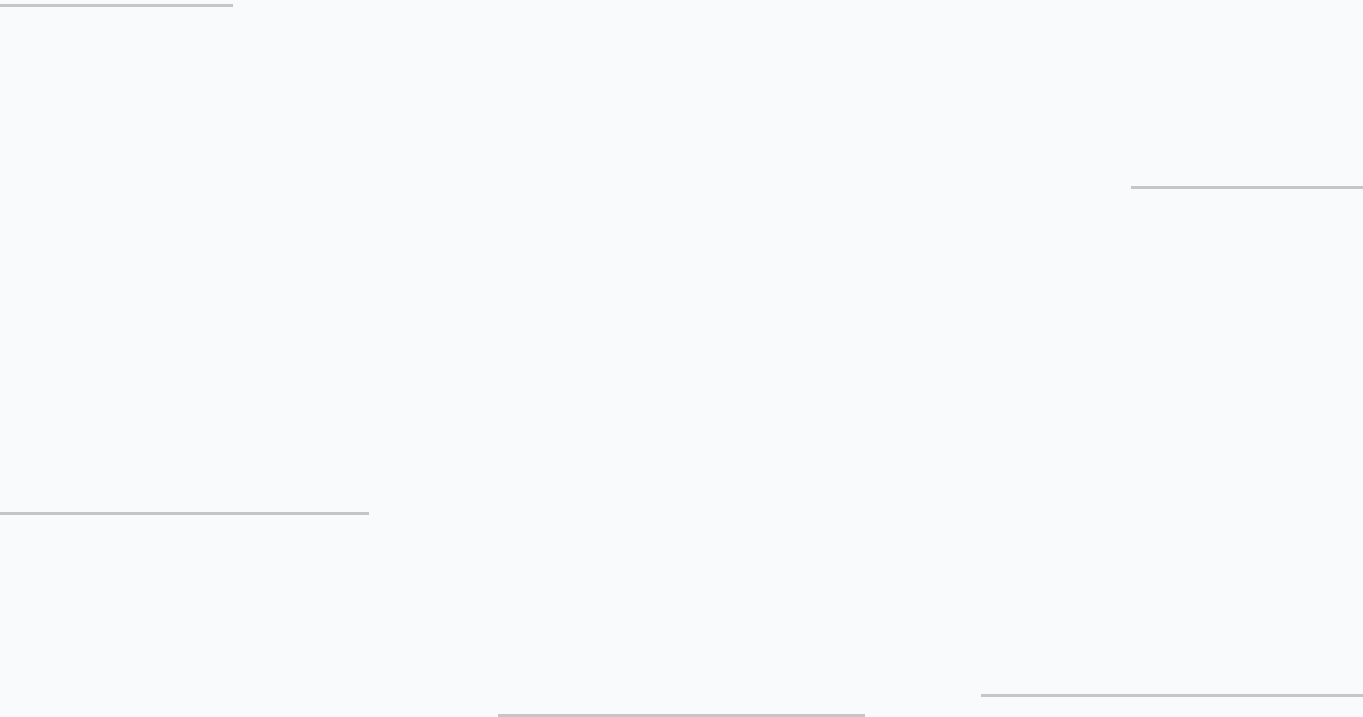
PHẦN THỨ HAI

PHÂN LOẠI CÁC CHỨC DANH VIÊN CHỨC

Các chức danh trong bản danh mục số 1 các chức vụ viên chức Nhà nước được phân thành 3 loại và 10 nhóm là dựa trên cơ sở phân công lao động quản lý, theo đặc tính lao động của viên chức.

Việc phân loại và nhóm này nhằm xác định ranh giới về chức năng, quyền hạn và sự hoàn thành công việc do viên chức đảm nhiệm, theo sự phân công hiệp tác lao động và tổ chức lao động.

SƠ ĐỒ PHÂN LOẠI VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC



Để mã hóa các loại, nhóm chức danh viên chức Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thống kê, điều tra, tổng hợp, lập kế hoạch, thông tin và xử lý thông tin bằng máy tính điện tử, mỗi chức danh được biểu thị bằng 4 chữ số theo quy ước sau đây:

- Chữ số đầu tiên (tận cùng bên trái) để chỉ nhóm chức danh (gồm các số từ 0 đến 9).
- Hai số tiếp theo để chỉ thứ tự các chức danh trong mỗi nhóm của bản danh mục các chức vụ viên chức Nhà nước (các chức danh này được sắp xếp và đánh số theo thứ tự của vần chữ cái A, B, C).
- Chữ số cuối cùng (tận cùng bên phải) để chỉ chức danh gốc và các chức năng "phụ" với quy ước:

Chức danh	Mã số
Chức danh gốc	0
Phó thứ nhất	1
Phó	2
Trưởng (về chuyên môn)	3
Chính	4
Trợ lý	5
Cấp cao (hoặc Nhà nước)	6

Cấp II (hoặc trung cấp)	7
-------------------------	---

Cấp I (hoặc sơ cấp hoặc cấp 3 ở một số ngành)	8
---	---

Ví dụ:

Bộ trưởng	9010
-----------	------

Thứ trưởng	9012
------------	------

PHẦN THỨ BA

QUY ĐỊNH CÁCH SỬ DỤNG MỘT SỐ CHỨC DANH VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO Ở CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC THUỘC CÁC CẤP

Các chức danh viên chức lãnh đạo các cơ quan Nhà nước thuộc các cấp được sử dụng như sau:

A. NHÓM 9:

1. Chủ nhiệm:

- Tổ chức mang tên Ủy ban (không kể Ủy ban nhân dân các cấp).
- Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng.

2. Chủ tịch:

- Hội đồng Nhà nước; Hội đồng Quốc phòng; Hội đồng Dân tộc; Hội đồng Bộ trưởng,
- Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, quận, huyện, phường, xã,
- Các tổ chức khác làm việc theo chế độ hội đồng,
- Trọng tài kinh tế các cấp.

3. Cục trưởng:

Tổ chức ở Trung ương mang tên Cục.

4. Đại diện:

Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài.